

KẾ HOẠCH
đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung; Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa các nội dung tại Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026, tạo sự thống nhất trong triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm tập trung, thống nhất, đồng bộ trong toàn tỉnh và sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

2. Yêu cầu

- Các nội dung công việc thể hiện tại Kế hoạch này phải rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan; đảm bảo tính kịp thời, đồng bộ, hiệu quả khi tổ chức thực hiện.

- Công tác triển khai thực hiện phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Số liệu được thu thập từ các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Kế hoạch này tập trung đánh giá 05 nhóm đối tượng theo quy định tại mục b, khoản 1, Điều 46 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của

Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 262/2025/NĐ-CP*) gồm:

- a) Chiến lược phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức doanh nghiệp chi cho hoạt động Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 19 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh;
- c) Kế hoạch Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- d) Chương trình Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- e) Tổ chức khoa học công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Kế hoạch này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã; các tổ chức khoa học và công nghệ; doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

III. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ

1. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình và tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại khoản 2, Điều 45 Nghị định số 262/NĐ-CP và theo mục III phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCHN ngày 31/3/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 1969/QĐ-BKHCHN*, cụ thể như sau:

- a) Bảo đảm tính độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch trong toàn bộ quá trình đánh giá; công khai phương pháp, nguồn dữ liệu và kết quả đánh giá theo quy định.
- b) Tuân thủ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan.
- c) Ưu tiên sử dụng dữ liệu số đã được chuẩn hóa, cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh.
- d) Việc đánh giá phải bảo đảm tôn trọng đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết hợp hài hòa giữa

phương pháp định lượng và định tính; giữa yêu cầu quản lý nhà nước với quyền tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ.

đ) Áp dụng chỉ tiêu đánh giá phù hợp với từng loại hình chương trình, lĩnh vực chuyên môn, quy mô hoạt động và đặc thù của tổ chức hoặc chương trình được đánh giá.

2. Mục tiêu đánh giá

a) Đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Theo dõi, đo lường và đánh giá khách quan mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; xác định kết quả, hiệu quả và tác động của việc tổ chức thực hiện đối với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mức độ huy động nguồn lực xã hội, hiệu quả chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ việc rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác định các lĩnh vực ưu tiên, bố trí nguồn lực, xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Xác định những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình tổ chức thực hiện; làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

- Hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất phục vụ công tác theo dõi, giám sát, đánh giá, phân tích và dự báo; từng bước nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và xây dựng chính sách dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm:

- Đánh giá toàn diện kết quả hoạt động, năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiệu quả sử dụng nguồn lực, mức độ hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao và mức độ đóng góp của tổ chức đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Làm căn cứ phục vụ việc xây dựng, điều chỉnh kế hoạch phát triển; phân bổ ngân sách nhà nước, giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ, xác định số lượng người làm việc, sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện các cơ chế, chính sách đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.

- Kết quả đánh giá năm 2026 là một trong những căn cứ quan trọng để xem xét điều chỉnh kế hoạch hoạt động, phương án tổ chức, phân bổ kinh phí thường xuyên và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong năm 2027 và các năm tiếp theo theo quy định.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu đầy đủ, thống nhất về kết quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; phục vụ công tác quản lý nhà nước, theo dõi, giám sát, đánh giá và công khai kết quả hoạt động theo quy định của pháp luật.

IV. NỘI DUNG CỤ THỂ VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Nội dung đánh giá tập trung xem xét toàn diện mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã xác định trong Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu, tính hiệu lực, hiệu quả của việc tổ chức thực hiện, mức độ huy động và sử dụng nguồn lực, kết quả đạt được, tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương; đồng thời xác định những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

b) Việc xác định tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá được thực hiện thống nhất theo Bộ tiêu chí đánh giá chiến lược, kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Phụ lục I và Khung hướng dẫn đánh giá Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKH-CN; bảo đảm tính khách quan, minh bạch, khả năng so sánh và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức triển khai đánh giá; hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả; phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo Phụ lục phân công nhiệm vụ ban hành kèm theo Kế hoạch này

2. Đánh giá Chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức doanh nghiệp chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 19 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Đánh giá tập trung xem xét tính phù hợp, tính đồng bộ, tính khả thi và hiệu quả của chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá mức độ huy động nguồn lực xã hội, hiệu quả sử dụng nguồn lực, tác động của chính sách đối với hoạt động nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời xác định

những khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện để đề xuất hoàn thiện chính sách.

b) Tiêu chí và phương pháp đánh giá chính sách được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục III - Khung tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chỉ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ban hành kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Việc đánh giá bảo đảm kết hợp giữa định lượng và định tính; ưu tiên sử dụng dữ liệu số, số liệu thống kê chính thức và kết quả khảo sát thực tế nhằm bảo đảm độ tin cậy của kết quả đánh giá.

c) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

3. Đánh giá Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp của Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá kết quả thực hiện, hiệu quả sử dụng nguồn lực, mức độ huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; xác định các yếu tố tác động, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân; làm căn cứ điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và bố trí nguồn lực trong thời gian tiếp theo theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

b) Tiêu chí và phương pháp đánh giá kế hoạch được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I - Bộ tiêu chí áp dụng cho đánh giá chiến lược, kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Phụ lục IV - Khung hướng dẫn đánh giá việc thực hiện Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ban hành kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Trong quá trình đánh giá bảo đảm tính kế thừa, khả năng so sánh giữa các kỳ đánh giá và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

c) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Cơ quan phối hợp thực hiện: Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

4. Đánh giá Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

a) Việc đánh giá chương trình được thực hiện theo toàn bộ vòng đời của chương trình, bao gồm đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đánh giá tác động; bảo đảm phản ánh đầy đủ quá trình triển khai, kết quả đạt được, hiệu quả sử dụng nguồn lực và tác động của chương trình đối với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

b) Tiêu chí và phương pháp đánh giá chương trình được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I - Bộ tiêu chí áp dụng cho đánh giá chiến lược, kế hoạch,

chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Phụ lục V – Hướng dẫn đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ban hành kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN.

c) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Cơ quan phối hợp thực hiện: Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

5. Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh

a) Đối tượng đánh giá là các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có thực hiện một hoặc nhiều chức năng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu chính sách hoặc cung ứng dịch vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

b) Đánh giá tập trung vào năng lực tổ chức, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hiệu quả sử dụng nguồn lực, chất lượng sản phẩm nghiên cứu, mức độ chuyển giao kết quả nghiên cứu, đóng góp đối với phát triển kinh tế - xã hội và hiệu quả hoạt động tổng thể của tổ chức theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

c) Tiêu chí và phương pháp đánh giá tổ chức được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục VI - Tiêu chí và hướng dẫn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh.

đ) Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các hoạt động khác theo Nghị định số 262/2025/NĐ-CP được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp quy định tại khoản 11 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

2. Kinh phí thực hiện công tác đánh giá được xác định căn cứ phạm vi, nội dung, phương pháp và khối lượng công việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được lập trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của cơ quan tài chính có thẩm quyền, bảo đảm tính cần thiết, khả thi và phù hợp tiến độ. Kinh phí tổ chức đánh giá được bố trí từ nguồn chi ngân sách nhà nước cho quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện việc đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh theo đúng nội dung, phương pháp, tiêu chí và quy trình quy định tại Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị áp dụng thống nhất hệ thống tiêu chí, phương pháp đánh giá, biểu mẫu báo cáo; theo dõi, kiểm tra việc thu thập, cập nhật, quản lý và khai thác thông tin, dữ liệu; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đồng bộ và kịp thời của dữ liệu phục vụ công tác đánh giá.

- Chủ trì xây dựng hệ thống biểu mẫu, hướng dẫn chế độ báo cáo; tổ chức tiếp nhận, tổng hợp, kiểm tra và chuẩn hóa số liệu, bảo đảm tính thống nhất trước khi thực hiện đánh giá.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu đánh giá; trường hợp cần thiết, tham mưu UBND tỉnh thuê tổ chức tư vấn độc lập hoặc thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 52 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP nhằm bảo đảm tính khách quan, khoa học và minh bạch của kết quả đánh giá.

- Tổ chức xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 25/12/2026 hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản thuộc thẩm quyền nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ việc thu thập, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu và tổ chức đánh giá theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa, kết quả đánh giá; kịp thời công khai kết quả theo quy định nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp tổ chức đánh giá chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo

quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

3. Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh và các đơn vị có liên quan.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình thu thập, cập nhật, cung cấp, chia sẻ và xác minh thông tin, dữ liệu phục vụ công tác đánh giá.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan và kịp thời của thông tin, số liệu thuộc phạm vi quản lý; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 05/12/2026 hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

4. Báo và Phát thanh Truyền hình tỉnh Ninh Bình

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền phù hợp; mở chuyên trang, chuyên mục, tăng cường thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung và kết quả đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; giới thiệu, nhân rộng các mô hình, sáng kiến, điển hình tiên tiến và các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CPVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Thanh Sơn

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Tiêu chí đầu vào		
1	Thế chế trong lĩnh vực KH&CN, ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
2	Số lượng nhân lực KH&CN, ĐMST tạo quy đổi toàn thời gian (FTE)/10.000 dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Đơn vị, cá nhân có liên quan
3	Số nhóm nghiên cứu mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
4	Tổng chi từ ngân sách cho KH&CN, ĐMST	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường; Các đơn vị có liên quan
5	Tổng chi cho KH&CN, ĐMST từ khu vực doanh nghiệp	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Thống kê tỉnh; UBND cấp xã
6	Hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ & ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; UBND cấp xã; các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
7	Hạ tầng CNTT phục vụ KHCN ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã; Các doanh nghiệp viễn thông; cơ quan liên quan; các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
II.	Tiêu chí về khoa học		
1	Số lượng bài báo khoa học quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
2	Số lượng bài báo khoa học trong nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
3	Tỷ lệ công bố quốc tế thuộc nhóm tạp chí uy tín cao trong lĩnh vực (IF 25%)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
4	Tỷ lệ công bố khoa học có hợp tác quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; Các trường Đại học, Cao đẳng

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			trên địa bàn tỉnh
5	Số lượng ấn phẩm sách, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy ở đại học và sau đại học.	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số lượt trích dẫn trung bình của bài báo được công bố trên tạp chí quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
7	Chỉ số H index của nhóm nghiên cứu được huy động và tham gia thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
8	Mức kinh phí bình quân để tạo ra một công bố khoa học quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các trường Đại học, Cao đẳng
9	Giải thưởng khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; UBND cấp xã; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật; Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh
III. Tiêu chí về công nghệ			
1	Mức độ sẵn sàng công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
2	Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được chấp nhận hợp lệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị có liên quan
3	Số lượng sản phẩm mẫu (prototypes) được hình thành và kiểm chứng thực tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
4	Số lượng sản phẩm mới hoặc cải tiến được thử nghiệm và đạt chứng nhận tiêu chuẩn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
5	Số lượng mô hình kinh doanh và dịch vụ mới được phát triển và thử nghiệm	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các đơn vị có liên quan
6	Số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới đã đề xuất và được chấp thuận	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
7	Số lượng bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản được cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị có liên quan
8	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu được thương mại hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức nghiên cứu; các đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9	Số lượng công nghệ được hoàn thiện và chuyển giao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức nghiên cứu; các đơn vị có liên quan
10	Hiệu quả đổi mới/cải tiến quy trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương và các đơn vị liên quan
11	Tỷ lệ sản phẩm mới, cải tiến đạt tiêu chuẩn được đưa vào thị trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương và các đơn vị liên quan
12	Tỷ lệ nội địa hóa	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan
13	Số lượng mô hình kinh doanh, dịch vụ được đổi mới và áp dụng	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan
14	Số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan, Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh
15	Tỷ lệ công nghệ đạt trình độ tiên tiến so với khu vực hoặc thế giới	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương và các đơn vị liên quan
IV	Tiêu chí về kinh tế		
1	Doanh thu từ khai thác, chuyển giao, thương mại hóa tài sản sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; UBND cấp xã; các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh
2	Doanh thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; UBND cấp xã; các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh
3	Tỷ lệ huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan
4	Doanh thu từ sản phẩm mới và sản phẩm được cải tiến	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan
5	Số lượng doanh nghiệp hưởng lợi từ sử dụng kết quả nghiên cứu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh
6	Số lượng doanh nghiệp mới hình thành	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan
7	Giá trị tiết kiệm được do thay thế hàng hóa nhập khẩu bằng sản phẩm trong nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8	Giá trị chi phí tiết kiệm được do thay thế thiết bị nhập khẩu bằng thiết bị trong nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Giá trị kinh tế đối với các doanh nghiệp không trực tiếp tham gia	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan
V	Tiêu chí về xã hội		
1	Số lượng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đào tạo, bồi dưỡng	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh; các đơn vị có liên quan
2	Mức tăng năng suất lao động do ứng dụng kết quả nghiên cứu	Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; các đơn vị có liên quan
3	Số lượng văn bản chiến lược, chính sách và pháp luật về KH, CN & ĐMST sử dụng kết quả nghiên cứu	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
4	Mức độ cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
5	Mức độ đóng góp vào bảo vệ môi trường và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
6	Mức độ cải thiện chất lượng và hiệu quả khai thác hạ tầng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
7	Mức độ thay đổi nhận thức và hành vi xã hội	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã